

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN**
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Bản án số: 1706/2022/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 12 năm 2022
V/v: “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nội Thị Hảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 681/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 403/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 365/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Thành L – Sinh năm: 1984. (xin vắng mặt)

Thường trú: 180/50/10/4 ấp 1, xã N, huyện H, Thành phố H.

Địa chỉ liên lạc: 43/3A Nguyễn Ảnh Thủ, ấp H, xã B, huyện H, Thành phố H.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị Thu N – Sinh năm: 1988. (vắng mặt)

Thường trú: 180/50/10/4 ấp 1, xã N, huyện H, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 09.5.2022, bản tự khai, biên bản hòa giải không thành và biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn ông Lê Thành L trình bày:

Ông và bà Trần Thị Thu N tự nguyện tìm hiểu và tiến đến xây dựng gia đình vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, Thành phố H vào ngày 11.12.2012.

Sau khi cưới ông bà chung sống bên gia đình chồng. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, sau đó vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, không có sự

quan tâm, chăm sóc, chia sẻ trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng mất hạnh phúc. Ông bà ly thân từ năm 2017 đến nay.

Nay ông xác định tình cảm của ông đối với bà N không còn, cuộc hôn nhân của ông bà chỉ còn là hình thức nên ông xin ly hôn với bà Trần Thị Thu N.

- Về con chung: có 02 con chung Lê Thị Kim N, sinh ngày 26.12.2012 và Lê Thị Phúc A, sinh ngày 09/02/2016. Hiện con chung đang sống cùng bà N nên ông L giao 02 con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng và mỗi tháng ông L cấp dưỡng nuôi con số tiền 5.000.000 đồng/02 trẻ (mỗi trẻ 2.500.000 đồng).

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: không có.

Tại bản tự khai ngày 25.7.2022, bị đơn bà Trần Thị Thu N trình bày:

Bà và ông Lê Thành L tự nguyện tìm hiểu và tiến đến xây dựng gia đình vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, Thành phố H vào ngày 11.12.2012.

Sau khi cưới vợ chồng sống cùng gia đình ông. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn do ông L ngoại tình và bà có nguyện vọng được đoàn tụ với ông L.

- Về con chung: có 02 con chung Lê Thị Kim N, sinh ngày 26.12.2012 và Lê Thị Phúc A, sinh ngày 09/02/2016. Nếu ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: không có.

Sau khi thụ lý, Tòa án đã tổ chức các phiên hòa giải để ông Lê Thành L và bà Trần Thị Thu N thỏa thuận những vấn đề cần giải quyết trong vụ án nhưng các bên không thỏa thuận được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Về phía bị đơn Trần Thị Thu N, Tòa án đã tổng đạt niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà N vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn trình bày ý kiến tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo trình tự thủ tục pháp luật quy định đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa ông Lê Thành L và bà Trần Thị Thu N là tranh chấp Ly hôn theo yêu cầu của một bên được quy định

tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Bị đơn bà Trần Thị Thu N có hộ khẩu thường trú tại 180/50/10/4 ấp 1, xã N, huyện H, Thành phố H nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử nhận thấy ông Lê Thành L và bà Trần Thị Thu N tự nguyện xây dựng gia đình từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, Thành phố H vào ngày 11.12.2012 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Lê Thành L: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của hai bên đương sự tại phiên tòa thể hiện ông Lê Thành L và bà Trần Thị Thu N có thời gian sống chung từ năm 2012 và đã có 02 con chung. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh theo lời trình bày của ông L do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng mất hạnh phúc. Phía bà N không đồng ý ly hôn nhưng thừa nhận trong quá trình chung sống ông L có người phụ nữ khác bên ngoài. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thị Thu N không đưa ra được biện pháp gì để cải thiện đời sống chung của vợ chồng, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân và không quan tâm đến nhau. Tòa án đã tạo điều kiện để ông Lê Thành L và bà Trần Thị Thu N trở về đoàn tụ với nhau nhưng không có kết quả. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông L và bà N đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc ly hôn là cần thiết nên việc ông L yêu cầu ly hôn với bà N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: có 02 con chung Lê Thị Kim N, sinh ngày 26.12.2012 và Lê Thị Phúc A, sinh ngày 09/02/2016. Ông L giao 02 con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng và mỗi tháng ông L cấp dưỡng nuôi con số tiền 5.000.000 đồng/02 trẻ (mỗi trẻ 2.500.000 đồng). Phía bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con nếu ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay con chung đang sống cùng bà N và do bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đồng thời trẻ cũng có nguyện vọng sống chung với bà N nên xét thấy việc giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành đảm bảo được sự ổn định và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt là có cơ sở chấp nhận. Ghi nhận việc ông L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 5.000.000 đồng/02 trẻ (mỗi trẻ 2.500.000 đồng) cho đến khi 02 con chung lần lượt tròn 18 tuổi. Thi hành khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Ông Lê Thành L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Lê Thành L

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Thành L được ly hôn bà Trần Thị Thu N.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Thu N về việc yêu cầu được đoàn tụ với ông Lê Thành L.

2. Về con chung: Giao 02 con chung Lê Thị Kim N, sinh ngày 26.12.2012 và Lê Thị Phúc A, sinh ngày 09/02/2016 cho bà Trần Thị Thu N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ông Lê Thành L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền 5.000.000 đồng/02 trẻ (mỗi trẻ 2.500.000 đồng) cho đến khi 02 con chung lần lượt tròn 18 tuổi. Thi hành khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc khi có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông L không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền như đã được ghi nhận trong bản án này thì hàng tháng sẽ còn phải chịu thêm khoản tiền lãi được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Vì lợi ích con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết, theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: không có.

4. Nợ chung: không yêu có.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Thành L chịu là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được tính cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số 0039517 ngày 24.5.2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

Án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông Lê Thành L chịu. Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi Nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- CCTHADS huyện Hóc Môn;
- UBND xã Nhị Bình, huyện
Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

Nguyễn Thị Hồng Hoa